

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 7 - 2021
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Thủy;
2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị O, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ 3, khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Đồng Văn K, sinh năm 1992; địa chỉ hộ khẩu thường trú: tổ 3, khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: khu phố C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, chị O có mặt, anh K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, chị Thị O trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị O và anh Đồng Văn K tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2016 nhưng đến 2019 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (theo giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 10/12/2019). Vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng không có con, anh K thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây gỗ đánh đập chị O. Từ khi khám bệnh biết được nguyên nhân không có con, giữa vợ chồng xảy ra cãi vã nhiều hơn thậm chí còn đánh đập nhau. Cho đến hiện nay chị O và anh K đã sống ly thân với nhau khoảng 06 tháng, chị O nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn và không còn tình cảm với anh K nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Đồng Văn K.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, giữa chị O và anh K không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị O cung cấp kèm theo đơn khởi kiện gồm: sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân mang tên Thị O (bản sao) và 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

Theo biên bản lấy lời khai, anh Đồng Văn K trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh K và chị Thị O tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, anh chị tổ chức đám cưới với nhau từ năm 2016 nhưng đến năm 2019 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi tổ chức đám cưới thì hai vợ chồng ra ở riêng tại khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời gian trước đây, vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì với nhau nhưng từ khi cả hai vợ chồng đi khám sức khỏe, xác định nguyên nhân chậm có con vào năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị O luôn kiếm chuyện và có những lời lẽ khích bác, xúc phạm anh K. Đỉnh điểm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là vào tháng 01/2021, vợ chồng xảy ra cãi vã và đánh nhau, chị O bỏ đi vào thành phố Hồ Chí Minh. Một thời gian sau, anh K về nhà cha mẹ ruột tại khu phố C, thị trấn L, huyện T sinh sống cho đến nay. Hiện nay vợ chồng sống ly thân với nhau khoảng 06 tháng. Anh K trình bày vẫn còn tình cảm với chị O nên không muốn ly hôn nhưng nếu chị O cương quyết ly hôn và chị O vẫn có những lời lẽ xúc phạm anh K thì anh K đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: 01 sổ hộ trú và chứng minh nhân dân mang tên Thị O (bản sao); 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) do nguyên đơn nộp; biên bản lấy lời khai của nguyên bị đơn; biên bản xác minh, biên bản hòa giải do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau:

+ Về con chung: Thời gian chung sống, chị Thị O và anh Đồng Văn K không có con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau: Về hôn nhân: Chị Thị O có yêu cầu ly hôn, anh K không đồng ý ly hôn.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 203, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án để tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Thị O;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị O được ly hôn với anh Đồng Văn K;

Về án phí: Chị Thị O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị O đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Thị O, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị O có mặt, bị đơn anh Đồng Văn K vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1

Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Thị O:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị O và anh Đồng Văn K tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng đến năm 2019 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Chị O và anh K đều trình bày nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu từ việc vợ chồng chưa có con dẫn đến trong cuộc sống, vợ chồng luôn có những lời qua tiếng lại, cãi vã, xúc phạm thậm chí còn đánh đập nhau; đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào tháng 01/2021, vợ chồng đánh đập nhau dẫn đến việc hai vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay.

Xét thấy, chị O và anh K đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là cuộc sống vợ chồng chung sống với nhau một thời gian dài nhưng chưa có con, vì nguyên nhân này mà giữa chị O và anh K luôn xảy ra cãi vã thậm chí còn đánh đập nhau, cả hai đều không có tiếng nói chung cũng như thấu hiểu tâm trạng của nhau khi xảy ra vấn đề chưa có con dẫn đến vợ chồng có những lời qua tiếng lại, đánh đập và sống ly thân. Tại phiên tòa, chị O khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị O và anh K không thể hàn gắn, chị O không còn tình cảm và cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh K để mỗi người có một cuộc sống mới. Anh K mặc dù không có mặt tại phiên tòa nhưng trong lời khai cũng thể hiện trường hợp chị O vẫn cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng chấp nhận ly hôn. Do đó, nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị O và anh K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không thể tiếp tục duy trì, hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị O là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa chị O và anh K chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

[4] Về án phí:

Chị Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 điều 147, Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị O:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thị O được ly hôn với anh Đồng Văn K.
2. *Về án phí*:

Chị Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007371 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận. Chị Thị O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày truyền án (21/7/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

(Đã giải thích quyền kháng cáo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Mận